

Số: 694/BC – UBND

Phú Quốc, ngày 17 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI
ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH,
ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ 3 NĂM 2024

1. Tài chính Ngân sách:

a. Thu ngân sách Nhà nước:

Dự toán thu NSNN năm 2024 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là **8.900,130** tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là **5.455,130** tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là **4.223,130** tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là **1.232** tỷ đồng), Thu do Cục thuế quản lý **3.445** tỷ đồng.

- Thực hiện thu NSNN ước quý 3 năm 2024 là **872,204** tỷ đồng, đạt **37,61%** dự toán thu trên địa bàn, đạt **71,95%** so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý ước quý 3 năm 2024 là **282,963** tỷ đồng, đạt **20,75%** dự toán thành phố quản lý, đạt **61,16%** so cùng kỳ. Thu do Cục thuế quản lý ước quý 3 năm 2024 là **589,235** tỷ đồng, đạt **68,42%** so dự toán, đạt **78,63%** so cùng kỳ.

- Trong số thu phân cấp thành phố quản lý nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất và thuê đất là **46,746** tỷ đồng, thì số thu quý 3 được **236,217** tỷ đồng, đạt **17,32%** so dự toán, đạt **114,30%** so cùng kỳ.

** Dự toán thu điều tiết (năm 2024 là **510,784** tỷ đồng): số thu điều tiết quý 3 sau khi loại trừ thu tiền đất thì số thu điều tiết được hưởng để chi cân đối chi thường xuyên là **92,683** tỷ đồng (so số thu dự toán quý 3 năm 2024 thì hụt thu **35,013** tỷ đồng, đạt **72,58%** và đạt **18,15%** so dự toán năm).*

- Thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước quý 3 năm 2024 là **46,746** tỷ đồng, đạt **4,44%** so dự toán, đạt **18,29%** so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng **5,36%** trong tổng thu phân cấp thành phố quản lý.

** Thu tiền sử dụng đất ước quý 3 năm 2024 là **24,989** tỷ đồng. Thu điều tiết được hưởng để chi đầu tư **11,281** tỷ đồng (đã loại trừ ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất **11,835** tỷ đồng), trong đó: thu tiền sử dụng đất Tái định cư (hưởng 100%) là **8,473** tỷ đồng, thu tiền mặt trong dân và dự án do Chi Cục thuế thành phố Phú Quốc quản lý **4,680** tỷ đồng (điều tiết hưởng 60%) là **2,808** tỷ đồng; ghi chi tiền sử dụng đất (của Cty Đức Việt) là **11,835** tỷ đồng.*

** Thu tiền thuê đất ước quý 3 năm 2024 là **23,354** tỷ đồng (trong đó ghi thu ghi chi tiền thuê đất của Cty TNHH Lan Anh Phú Quốc là **1,577** tỷ đồng).*

b. Chi ngân sách Nhà nước:

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao đầu năm 2024 là **1.994,731** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **1.305,731** tỷ đồng (Chi XD CB **305,334** tỷ đồng, ghi thu ghi chi **1.000** tỷ đồng); Chi thường xuyên **548,709** tỷ đồng; Chi

cải cách tiền lương **60** tỷ đồng; Chi dự phòng **12,538** tỷ đồng; Chi khen thưởng **2,500** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **65,650** tỷ đồng.

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao năm 2024 kể cả điều chỉnh (lần 2) là **2.971,256** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **1.789,128** tỷ đồng (Chi XDCB 313,642 tỷ đồng, ghi thu ghi chi 1.000 tỷ đồng; Chi nguồn chi XDCB được chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là 475,486 tỷ đồng); Chi thường xuyên **964,502** tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương **126,594** tỷ đồng; Chi dự phòng **12,538** tỷ đồng; Chi khen thưởng **2,571** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **75,924** tỷ đồng.

Chi ngân sách cấp thành phố ước quý 3 năm 2024 là **342,106** tỷ đồng, đạt **60,04%** so dự toán giao đầu năm, đạt **35,05%** so dự toán điều chỉnh, đạt **92,28%** so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi thường xuyên cấp thành phố ước quý 3 năm 2024 là **113,271** tỷ đồng, đạt **63,52%** so dự toán giao đầu năm, đạt **45,96%** so dự toán điều chỉnh, đạt **63,56%** so cùng kỳ;

- Chi cải cách tiền lương ước quý 3 năm 2024 là **29,931** tỷ đồng, đạt **199,54%** so với dự toán, đạt **194,38%** so dự toán điều chỉnh; đạt **436,45%** so cùng kỳ;

- Chi khen thưởng ước quý 3 năm 2024 là **0,200** tỷ đồng, đạt **32%** so với dự toán, đạt **31,12%** so dự toán điều chỉnh.

- Chi dự phòng ước quý 3 năm 2024: không phát sinh.

- Chi trợ cấp ngân sách xã ước quý 3 năm 2024 là **36,775** tỷ đồng, đạt **224,07%** so với dự toán, đạt **200,12%** so dự toán điều chỉnh, đạt **268,13%** so cùng kỳ;

2. Đầu tư Công:

Tổng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố kể cả điều chỉnh là **1.672,212** tỷ đồng (tăng Chi nguồn chi XDCB được chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là 366,878 tỷ đồng), Trong đó:

- Vốn XDCB được bố trí năm 2024 là **305,334** tỷ đồng, gồm: Nguồn vốn do Kho bạc thành phố quản lý 0 tỷ đồng (Nguồn XDCB tập trung **155,334** tỷ đồng, gồm: nguồn vốn CPNS địa phương **51** tỷ đồng, nguồn sử dụng đất (40%) **17,634** tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết **86,700** tỷ đồng); Nguồn Chi XDCB vốn ngân sách thành phố **1.150** tỷ đồng (Ghi thu ghi chi **1.000** tỷ đồng), nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%) **150** tỷ đồng.

- Vốn XDCB được bố trí năm 2024 kể cả điều chỉnh là **313,642** tỷ đồng, gồm: Nguồn vốn do Kho bạc thành phố quản lý 0 tỷ đồng (Nguồn XDCB tập trung **163,642** tỷ đồng, gồm: nguồn vốn CPNS địa phương **51** tỷ đồng, nguồn sử dụng đất (40%) **17,634** tỷ đồng, nguồn xổ số kiến thiết **87,350** tỷ đồng, nguồn CTMTQG xây dựng NTM **7,658** tỷ đồng); Nguồn Chi XDCB vốn ngân sách thành phố **1.150** tỷ đồng (Ghi thu ghi chi **1.000** tỷ đồng), nguồn tiền sử dụng đất tỉnh giao (60%) **150** tỷ đồng; .

- Giải ngân nguồn vốn XDCB kế hoạch năm 2024 kể cả điều chỉnh thành phố quản lý: Khối lượng ước thực hiện quý 3/2024 là **83,865** tỷ đồng; Giá trị giải ngân ước quý 3/2024 là **79,796** tỷ đồng, đạt **88,46%** so dự toán, đạt **81,54%** so dự toán điều chỉnh, đạt **85,14%** so cùng kỳ. Cụ thể:

S T T	NỘI DUNG	Nguồ n vốn	Kế hoạch vốn năm 2024 (quý 3/2024)	Kế hoạch vốn năm 2024 (điều chỉnh)	Khối lượng thực hiện		Giải ngân		Đạt tỷ lệ % so với KH đầu năm 2024	Đạt tỷ lệ % so với KH điều chỉnh	Đạt tỷ lệ % so với cùng kỳ
					KLTH tháng 9/2024	KLTH từ quý 3/2024 (từ tháng 7/2024 đến 30/9/202 4	Giải ngân tháng 9/2024	KLTH từ quý 3/2024 (từ tháng 7/2024 đến 30/9/20 24			
I	Nguồn vốn XDCB Kế hoạch 2024		90.209	97.867	59.763	83.865	55.694	79.796	88,46	81,54	85,14
1	VP Kho bạc tỉnh quản lý		-	-	-	-	-	-	-		
2	Kho bạc thành phố quản lý		90.209	97.867	59.763	83.865	55.694	79.796	88,46	81,54	85,14
	- Nguồn XDCB tập trung (Cân đối NS)	TT	12.750	12.750	10.783	15.221	9.983	14.421	113,11	113,11	76,75
	+ Đầu tư các dự án		12.750	12.750	10.783	15.221	9.983	14.421	113,11	113,11	
	- Nguồn thu sử dụng đất		55.134	55.134	31.075	44.753	29.450	43.128	78,22	78,22	72,71
	+ Nguồn thu sử dụng đất 60%	SDD	37.500	37.500	31.075	44.753	29.450	43.128	115,01	115,01	174,11
	+ Nguồn sử dụng đất 40% (tinh phân bổ GTNT)		17.634	17.634		-		-	-	-	
	- Nguồn XSKT	XS	22.325	22.325	17.905	23.891	16.261	22.247	99,65	99,65	177,01
	+ ĐTXD các dự án		15.000	15.000	10.430	15.831	8.786	14.187			
	+ Nhà tình nghĩa + nhà người có công		650	650		-		-			
	+ GTNT các xã, phường		6.675	6.675	7.475	8.060	7.475	8.060			
	- Nguồn CTMTQG XDNT mới			7.658		-		-			
II	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2023 sang năm 2024		-	109.516	-	-	-	-			
	Chuyển nguồn dự toán: Cảng hành khách Quốc tế			109.516		-		-			

- Chi XDCB nguồn kết dư ngân sách thành phố (KH kể cả điều chỉnh 227,600 tỷ đồng): ước thực hiện quý 3 năm 2024 là **41,562** tỷ đồng đạt **73,43%** so kế hoạch.

- Nguồn vốn XDCB năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 (KH điều chỉnh 146,678 tỷ đồng): Thực hiện ước quý 3 năm 2024 là **9,814** tỷ đồng, đạt **26,76%** so kế hoạch điều chỉnh, đạt **65%** so cùng kỳ.

3. Công tác chi tiền bồi thường, hỗ trợ và TĐC cho các hộ dân có đất nằm trong các DA bị thu hồi trên địa bàn thành phố Phú Quốc:

Quý 3 năm 2024: Thực hiện chi trả cho 114 hộ dân, với số tiền 295,673 tỷ đồng.

4. Các nhiệm vụ khác:

Tham mưu UBND thành phố các báo cáo định kỳ gửi Sở Tài chính trong lĩnh vực tài chính, ngân sách.

Thực hiện phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các Chủ đầu tư.

Cung cấp tài liệu các Công trình chăm sóc, duy trì cây xanh (03 gói thầu chăm sóc, duy trì cây xanh trên địa bàn thành phố Phú Quốc cho Sở Tài chính Kiên Giang).

Thực hiện báo cáo theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V tại thành phố Phú Quốc (*Theo Thông báo số 111/TB-KV V ngày 10/6/2023 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V về Thông báo kết quả kiểm toán tại thành phố Phú Quốc*).

Thực hiện và theo dõi báo cáo tình hình thực hiện công tác thu NSNN theo chỉ đạo của tỉnh (*Công văn số 833/VP-KT ngày 05/3/2024 của Văn phòng HĐND-UBND thành phố về triển khai thực hiện công tác thu NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giai đoạn 2024 – 2025 theo KH số 33/KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang*).

Báo cáo (theo PL 1 và PL 2) gửi Sở Tài chính phục vụ HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 theo Công văn số 1025/STC-QLNS ngày 06/5/2024 của Sở Tài chính.

Tham gia đoàn Kiểm tra CCHC theo KH số 73/KH-UBND ngày 20/2/2024 của UBND thành phố Phú Quốc về việc kiểm tra công tác CCHC năm 2024.

Tổng hợp Báo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 trình UBND thành phố Phú Quốc (trình HĐND thành phố phê duyệt); Báo cáo thu Ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán chi Ngân sách địa phương; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố trình UBND thành phố Phú Quốc phục vụ kỳ họp HĐND thành phố.

Báo cáo về việc đảm bảo nguồn hoạt động thường xuyên cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở (*theo Công văn số 1591/STC-QLNS ngày 05/7/2024 của Sở Tài chính*); Báo cáo về việc phối hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện định mức chi phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSNN năm 2022 và đề xuất phương án xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSNN năm 2026 (*theo Công văn số 1596/STC-QLNS ngày 08/7/2024 của Sở Tài chính*); Báo cáo về việc thu thập thông tin lập kế hoạch kiểm toán năm 2025 và kế hoạch kiểm toán trung hạn năm 2025-2027 tỉnh Kiên Giang (*theo Công văn số 1619/STC-QLNS ngày 10/7/2024 của Sở Tài chính*); Báo cáo theo Công văn số 1909/STC-QLNS ngày 9/8/2024 về việc báo cáo kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024; Báo cáo theo Công văn số 1887/STC-QLGCS

5% chi thường xuyên năm 2024; Báo cáo theo Công văn số 1887/STC-QLGCS ngày 07/8/2024 của Sở Tài chính Kiên Giang về việc đề nghị báo cáo dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tham mưu UBND thành phố Tờ trình gửi Sở Tài chính cho chủ trương tạm ứng nguồn ngân sách thành phố để chi trả bồi thường, hỗ trợ; Tham mưu Tờ trình về việc ứng nộp tiền của Công ty Cổ phần Tập Đoàn C.E.O; Tham mưu TTr+QĐ phê duyệt dự toán kinh phí cưỡng chế thu hồi đất dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Tràm...

Tham gia hội đồng xác định giá phương tiện vi phạm hành chính, Tham mưu công văn điều chỉnh kế hoạch mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa.

Thực hiện tốt công tác cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã trên địa bàn thành phố; Tham gia đoàn kiểm tra 389/PQ về kiểm tra chấp hành các quy định của Pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2024.

Tổng hợp tăng lương cơ sở từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng theo quy định (Theo nghị định 73/2024/NĐ-CP các đơn vị sự nghiệp; đơn vị Hành chính, Đảng đoàn thể và UBND các xã, phường); Cấp kinh phí bổ sung cho các đơn vị thiếu nguồn theo tổng hợp nhu cầu tăng lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP.

Chuẩn bị hồ sơ, báo cáo phục vụ cho công tác kiểm tra về XDGB theo KH kiểm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện công tác thẩm định giá, đấu giá tài sản tịch thu, sở hữu nhà nước, tổ tụng hình sự.

Tiếp tục rà soát, hướng dẫn, thẩm định đối với công tác quản lý giá theo phân quyền của tỉnh, cập nhật thường xuyên thông tin về giá dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn trên cổng thông tin điện tử Phú Quốc.

Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025: Báo cáo dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2025; Tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách thành phố Phú Quốc năm 2025 (dự toán thu, chi các đơn vị sự nghiệp; đơn vị Hành chính, Đảng đoàn thể và UBND các xã, phường).

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách, đầu tư công quý 3 năm 2024 của UBND thành phố./

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Thành ủy thành phố;
- Lãnh đạo HĐND thành phố;
- LĐ UBND thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- LĐ TCKH thành phố;
- LĐVP; đ/c Hưng;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Trần Minh Khoa



Biểu số 93/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 3 NĂM 2024

Số: 694/BC-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm (quý)	Dự toán điều chỉnh (quý)	Ước thực hiện quý 3 năm 2024	So sánh Thực hiện với (%)		
					Dự toán năm (quý)	Dự toán điều chỉnh (quý)	Cùng kỳ quý năm trước
A	B	I	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/ck
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.225.032.500.000	2.225.032.500.000	872.203.764.356	39,20	39,20	73,13
I	Thu cân đối NSNN	1.363.782.500.000	1.363.782.500.000	282.963.069.694	20,75	20,75	63,85
I	Thu nội địa	1.363.782.500.000	1.363.782.500.000	282.963.069.694			
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			5.629.761			4,49
III	Thu cục thuế tỉnh quản lý	861.250.000.000	861.250.000.000	589.235.064.901	68,42		78,63
IV	Thu viện trợ						
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	539.836.348.876	924.803.503.768	324.105.991.387	60,04	35,05	27,57
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	523.423.848.876	906.427.528.768	287.331.147.632	54,89	31,70	24,88
1	Chi đầu tư phát triển	326.333.500.000	640.802.358.554	143.929.274.360	44,10	22,46	14,17
2	Chi thường xuyên	178.330.848.876	246.449.498.823	113.270.997.795	63,52	45,96	81,67
3	Chi khen thưởng	625.000.000	642.710.000	200.000.000	32,00	31,12	134,06
4	Dự phòng ngân sách	3.134.500.000	3.134.500.000	-	-	-	-
5	Chi từ nguồn CCTL	15.000.000.000	15.398.461.391	29.930.875.477	199,54	194,38	
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			-			
II	Chi trợ cấp ngân sách xã	16.412.500.000	18.375.975.000	36.774.843.755	224,07	200,12	177,01



Biểu số 94/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ĐƯỢC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 3 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 694/BC-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm (quý)	Dự toán điều chỉnh (quý)	Ước thực hiện quý 3 năm 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán năm (quý)	Dự toán điều chỉnh (quý)	Cùng kỳ quý năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.225.032.500.000	2.225.032.500.000	872.203.764.356	39,20	39,20	71,95
I	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			5.629.761			4,49
II	Thu cục thuế tỉnh quản lý	861.250.000.000	861.250.000.000	589.235.064.901	68,42	68,42	78,63
III	Thu nội địa	1.363.782.500.000	1.363.782.500.000	282.963.069.694	20,75	20,75	61,16
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương	16.000.000.000	16.000.000.000	5.572.956.984	34,83	34,83	131,31
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Địa phương	1.750.000.000	1.750.000.000	759.784.804	43,42		73,85
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.500.000.000	4.500.000.000	1.682.596.041	37,39	37,39	162,36
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	138.000.000.000	138.000.000.000	103.622.731.753	75,09	75,09	143,01
5	Thuế thu nhập cá nhân	64.250.000.000	64.250.000.000	54.376.873.464	84,63	84,63	112,25
6	Thuế bảo vệ môi trường	29.500.000.000	29.500.000.000	21.965.173.320	74,46	74,46	82,63
7	Lệ phí trước bạ	34.000.000.000	34.000.000.000	31.050.744.694	91,33	91,33	89,56
8	Thu phí, lệ phí	5.500.000.000	5.500.000.000	2.617.177.148	47,59	47,59	115,29
9	Các khoản thu về nhà, đất	1.055.782.500.000	1.055.782.500.000	46.841.630.871	4,44	4,44	18,29
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			96.007.862			
-	Thu tiền sử dụng đất	62.500.000.000	62.500.000.000	13.153.405.950	21,05		5,73
-	Thu tiền sử dụng đất (Các DA do cấp tỉnh quản lý)	693.282.500.000	693.282.500.000	-			
-	Ghi thu ghi chi	150.000.000.000	150.000.000.000	11.835.738.701	7,89		
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	150.000.000.000	150.000.000.000	21.756.478.358	14,50		3.090,16
	Trong đó: ghi thu ghi chi	100.000.000.000	100.000.000.000	1.597.361.778			
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
11	Thu khác ngân sách	14.400.000.000	14.400.000.000	13.576.703.815	94,28	94,28	92,89
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
13	Thu cố định tại xã			94.370.000			28,19
14	Thu tiền cấp quyền khai thác TN khoáng sản, vùng trời, vùng biển	75.000.000	75.000.000	478.330.800	637,77		28.126,42
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	25.000.000	25.000.000				
15	Thu đóng góp			323.996.000			38,89
IV	Thu viện trợ						
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP	165.196.000.000	165.196.000.000	92.683.488.482			
1	Từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	154.696.000.000	154.696.000.000	77.882.564.942			
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%	10.500.000.000	10.500.000.000	14.800.923.540			



Biểu số 95/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 3 NĂM 2024

294/BC-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm (quý)	Dự toán điều chỉnh (quý)	Ước thực hiện quý 3 năm 2024	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán năm (quý)	Dự toán điều chỉnh (quý)	Cùng kỳ quý năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6=3/ck
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	539.836.348.876	924.803.503.768	324.105.991.387	60,04	35,05	92,28
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	539.836.348.876	924.803.503.768	324.105.991.387	60,04	35,05	93,60
I	Chi đầu tư phát triển	326.333.500.000	640.802.358.554	143.929.274.360	44,10	22,46	97,62
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp (TWMT+tinh)	38.833.500.000	38.833.500.000	35.948.282.435	92,57	92,57	
2	Chi XDCB vốn thành phố	287.500.000.000	345.775.000.000	98.166.382.728	34,14	28,39	
3	Chi XDCB vốn thành phố (nguồn vốn được phép kéo dài năm 20223 sang năm 2024)		256.193.858.554	9.814.609.197		3,83	27,43
II	Chi thường xuyên	178.330.848.876	246.449.498.823	113.270.997.795	63,52	45,96	63,56
	Trong đó:						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	63.449.669.552	68.507.602.603	54.082.994.108	85,24	78,94	101,38
2	Chi y tế, dân số và gia đình						-
3	Chi văn hóa thông tin	1.593.227.704	3.965.272.917	1.254.162.340	78,72	31,63	82,74
4	Chi phát thanh, truyền hình	337.169.063	337.169.063	94.892.998	28,14	28,14	98,15
5	Chi thể dục thể thao	144.367.969	144.367.969	185.055.088	128,18	128,18	275,78
6	Chi sự nghiệp môi trường, du lịch	18.250.000.000	18.250.000.000	8.022.196.889	43,96	43,96	36,33
7	Chi hoạt động kinh tế	36.212.587.836	131.585.026.018	21.599.499.000	59,65	16,41	49,80
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	54.871.326.754	19.437.603.734	21.162.417.289	38,57	108,87	150,26
9	Chi bảo đảm xã hội	2.530.250.000	3.280.206.521	3.223.808.003	127,41	98,28	104,08
10	Chi khác	942.250.000	942.250.000	3.645.972.080	386,94	386,94	316,92
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	15.000.000.000	15.398.461.391	29.930.875.477	199,54	194,38	436,45
IV	Chi khen thưởng	625.000.000	642.710.000	200.000.000	32,00	31,12	
V	Dự phòng ngân sách	3.134.500.000	3.134.500.000	-	-	-	
VI	Chi hỗ trợ ngân sách xã	16.412.500.000	18.375.975.000	36.774.843.755	224,07	200,12	268,13
B	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN						
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			39.623.370.435			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			35.948.282.435			
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			3.675.088.000			